TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06 /2019/HNGĐ-ST Ngày 28- 8- 2019. V/v: Ly hôn, tranh chấp tài sản chung.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: ông Tòng Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lý A Náng

2. ông Khang A Tông

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Hờ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải tham gia phiên tòa: bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Cứ Thị B, sinh năm 1970; cư trú tại: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. *Bị đơn*: anh Vàng A Ph, sinh năm 1968; cứ trú tại: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

3. *Người phiên dịch tiếng Mông*: ông Lý A Dà, trú tại: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 và biên bản lấy lời khai đương sự ngày 15 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn là chị Cứ Thị B trình bày: chị và anh Vàng A Ph chung sống như vợ chồng từ năm 1986; đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Chị B và anh Ph chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ph thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ và các con, không chăm lo đến cuộc sống của gia đình; chính quyền địa phương đã hòa giải

nhiều lần, nhưng anh Ph vẫn không sửa chữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ph.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 20 tháng 6 năm 2019 anh Phay thừa nhận có uống rượu và đánh đập vợ con, không chăm lo đến cuộc sống gia đình; nhưng anh Ph cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Cứ Thị B ngoại tình với người đàn ông khác và bị anh Ph bắt quả tang 04 lần. Tuy nhiên anh Ph xác định tình cảm giữa hai vợ chồng vẫn còn, quan hệ hôn nhân có thể hằn gắn được. Anh Ph đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: chị Cứ Thị B và anh Vàng A Ph khai thống nhất là các con đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Cứ Thị B và anh Vàng A Ph khai thống nhất có tài sản chung gồm:

- 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Prô xi măng, lịa ván pơ mu và đất thổ cư (đất ở) diện tích là 154 m2 ở bản Tà Chí Cao, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

- 01 khu ruộng gồm 02 thửa (thửa số 01 diện tích là 775,5 m2, thửa 02 có diện tích là 837,5 m2) tổng diện tích là 1.613 m2 ở bản Có Thái, xã Nậm Có, huyện Mù cang Chải, tỉnh Yên bái (có sơ đồ kèm theo);

- 02 mảnh nương thảo quả, mảnh thứ nhất 1.200 m2, mảnh thứ hai 600 m2 đều ở bản Tà Chí Cao, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

- 01 mảnh nương ngô tổng diện tích là 600 m2 ở bản Tà Chí Cao, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

- 03 con trâu (01 con mẹ và 02 con con);

+ Ý kiến của Nguyên đơn chị Cứ Thị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được sử dụng 01 thửa ruộng (thửa số 01 theo sơ đồ, với diện tích 775,5 m2). Ngoài ra không lấy tài sản gì khác.

+ Ý kiến của bị đơn: Không nhất trí chia tài sản cho chị Cứ Thị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu về việc chia tài sản của chị Cứ Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật lần thứ hai cho bị đơn là anh Vàng A Ph, nhưng anh Ph vẫn vắng mặt không có lý. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh Vàng A Ph theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cứ Thị B và anh Vàng A Ph đã tự nguyện tìm hiểu và đi tới hôn nhân, sống chung như vợ chồng từ năm 1986; đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cụ thể: Anh Vàng A Ph thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ và các con, không chăm lo đến cuộc sống của gia đình; chính quyền địa phương đã hòa giải, giải quyết nhiều lần, nhưng anh Ph vẫn không sửa chữa; chị Cứ Thị B cũng thừa nhận bản thân có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Cứ Thị B được ly hôn với anh Vàng A Ph.

[3] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019; biên bản hòa giải ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Cứ Thị B yêu cầu được sử dụng 01 thửa ruộng (thửa số 01 theo sơ đồ, với diện tích 775,5 m2), ngoài ra không lấy tài sản gì khác. Yêu cầu của chị B là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận; đối với bị đơn Vàng A Ph không nhất trí chia tài sản cho vợ là chị Cứ Thị B là trái với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. cụ thể như sau:

Chị Cứ Thị B được sử dụng 01 thửa ruộng (thửa số 01 theo sơ đồ, với diện tích 775,5 m2) ở tại bản Có Thái, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

Anh Vàng A Ph được sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Prô xi măng, lịa ván pơ mu; Đất thổ cư (đất ở) diện tích là 154 m2; 01 thửa ruộng (thửa số 02 theo sơ đồ, với diện tích 837,5 m2); 02 mảnh nương thảo quả, mảnh thứ nhất 1.200 m2, mảnh thứ hai 600 m2; 01 mảnh nương ngô tổng diện tích là 600 m2; 03 con trâu (01 con mẹ và 02 con con);

[4] Về án phí: Các đương sự thuộc diện hộ nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 59 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 35, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cứ Thị B được ly hôn với anh Vàng A Ph.

2. Về tài sản chung:

- Chị Cứ Thị B được sử dụng 01 thửa ruộng (thửa số 01 theo sơ đồ, với diện tích 775,5 m2) ở tại bản Có Thái, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái;

- Anh Vàng A Ph được sở hữu, sử dụng: 01 ngôi nhà gỗ 03 gian, lợp Prô xi măng lịa ván pơ mu và đất thổ cư (đất ở) diện tích là 154 m2 ở bản Tà Chí Cao, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; 01 thửa ruộng (thửa số 02 theo sơ đồ, với diện tích 837,5 m2) ở bản Có Thái, xã Nậm Có, huyện Mù cang Chải, tỉnh Yên bái; 02 mảnh nương thảo quả, mảnh thứ nhất 1.200 m2, mảnh thứ hai 600 m2; 01 mảnh nương ngô tổng diện tích là 600 m2 ở bản Tà Chí Cao, xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái và 03 con trâu (01 con mẹ và 02 con con);

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự..

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện MCC;
- Chi cục THADS huyện MCC;
- UBND xã Nậm Có;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Tòng Văn Quân